

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảng co giảm dần trong ngày và đóng cửa tại mốc 1,652.71 điểm, giảm hơn 12 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, đặc biệt bán ròng hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Xu hướng giảng co trong vùng 1,645 – 1,680 chưa có dấu hiệu kết thúc, thị trường cần thu hẹp biên độ dao động để hình thành nền giá vững chắc hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-12.34** điểm, đóng cửa tại **1652.71** điểm. HNX-Index **-3.67** điểm, đóng cửa tại **269.55** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.91)**, **MBB (+0.76)**, **TCB (+0.50)**, **LPB (+0.42)**, **VJC (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.42)**, **VPB (-1.35)**, **VRE (-0.71)**, **VCB (-0.58)**, **FPT (-0.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,848** tỷ đồng, tăng **5.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,682 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 32.96 điểm. Thị trường có **84** mã tăng, 42 mã tham chiếu, **243** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2354.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-337.07 tỷ)**, **FPT (-234.94 tỷ)**, **VPB (-221.72 tỷ)**, **STB (-172.82 tỷ)**, **MWG (-159.86 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.22** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.17%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBB (+1.52%) ([Link báo cáo](#))
TCB (+0.78%) ([Link báo cáo](#))
MSB (+0.38%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-1.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
CTD (+1.37%) ([Link báo cáo](#))
LPB (+1.18%) ([Link báo cáo](#))
CMG (+1.15%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.17%	-1.46%	-0.74%	-0.58%
1 tuần	-1.74%	-2.45%	-0.80%	0.06%
1 tháng	-3.43%	-1.99%	-1.75%	-0.30%
3 tháng	12.19%	17.29%	19.16%	24.92%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,652.71	269.55	109.79
% 1D	-0.74%	-1.34%	0.00%
GTKL (tỷ VND)	20,848	1,477	338
%1D	5.07%	5.93%	0.76%
GDNN (tỷ VND)	-2354.95	-1.22	-44.43

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
LPB	26.11	VHM	-337.07
CTD	17.71	FPT	-234.94
CII	14.30	VPB	-221.72
TCB	13.98	STB	-172.82
VJC	12.83	MWG	-159.86

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,711	0.34%	1.10%
FTSE100	9,443	-0.03%	2.49%
Eurostoxx	5,654	1.41%	3.78%
Shanghai	3,883	0.52%	1.59%
Nikkei	44,984	0.97%	-1.69%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

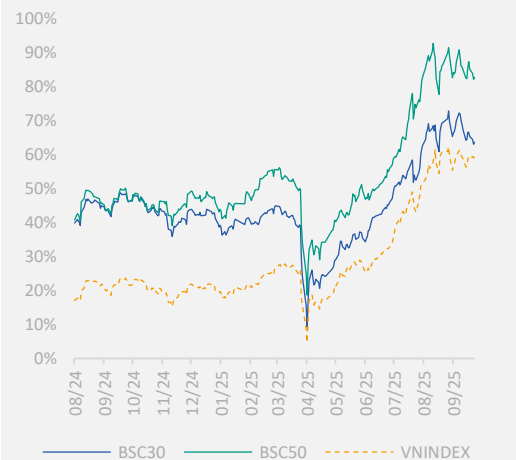
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.09	-0.50%
Giá vàng	3,878	-0.18%

Tỷ giá		
USD/VND	26,435	-0.04%
EUR/VND	31,742	-0.25%
JPY/VND	184	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.03%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

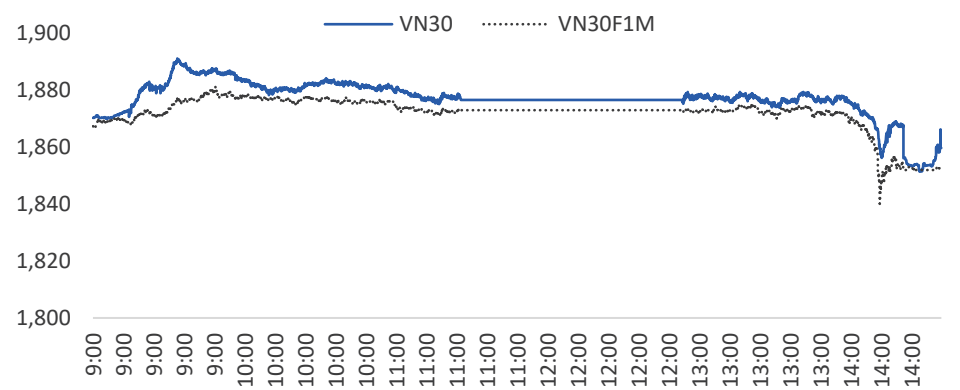
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1850.90	-0.60%	569	44.8%	20/11/2025	49
41I1FA000	1852.80	-0.60%	244,671	12.4%	16/10/2025	14
VN30F2512	1848.00	-0.54%	210	8.8%	18/12/2025	77
41I1G3000	1828.80	-0.50%	65	58.54%	19/03/2026	168

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -10.83 điểm, đóng cửa tại 1859.8 điểm. Biên độ dao động 28.00 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VPB, VRE, FPT, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 đóng cửa dưới tham chiếu. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2504	23/02/2026	144	21,300	33.28%	23.12	650	75.7%	0.08	25.72	19.30	19.30
CVRE2521	23/07/2026	294	1,100	32.47%	35.70	3,180	32.5%	1.51	42.06	31.75	31.75
CHPG2508	23/10/2025	21	6,800	9.23%	22.48	4,930	31.1%	3.41	30.69	28.10	28.10
CSTB2511	19/12/2025	78	1,800	1.87%	45.00	3,700	28.5%	3.60	59.80	58.70	58.70
CHPG2533	24/02/2026	145	2,530,400	18.68%	29.00	1,450	27.2%	0.75	33.35	28.10	28.10
CMBB2514	23/12/2025	82	200	0.33%	18.00	3,950	25.4%	4.00	26.89	26.80	26.80
CVRE2505	23/10/2025	21	100	-1.54%	17.00	7,130	19.2%	7.40	31.26	31.75	31.75
CLPB2506	3/02/2026	124	17,200	6.49%	37.40	3,510	16.6%	3.03	54.95	51.60	51.60
CSTB2527	25/06/2026	266	100	36.98%	66.56	2,770	16.4%	1.10	80.41	58.70	58.70
CMBB2515	23/03/2026	172	405,500	3.43%	20.25	3,320	14.5%	3.19	27.72	26.80	26.80
CMBB2518	23/02/2026	144	1,029,000	2.43%	21.75	3,800	11.4%	3.82	27.45	26.80	26.80
CMBB2512	14/10/2025	12	31,700	1.03%	18.75	5,550	8.4%	5.39	27.08	26.80	26.80
CLPB2501	15/12/2025	74	632,100	2.09%	36.33	3,510	8.3%	3.37	52.68	51.60	51.60
CMBB2509	12/01/2026	102	14,600	2.76%	18.38	6,110	7.2%	5.79	27.54	26.80	26.80
CTCB2509	15/12/2025	74	393,500	2.61%	33.12	3,460	7.1%	3.28	39.86	38.85	38.85
CLPB2505	5/01/2026	95	200,000	2.96%	36.69	4,110	7.0%	3.88	53.13	51.60	51.60
CMBB2513	15/12/2025	74	404,900	1.75%	19.50	5,180	6.8%	5.00	27.27	26.80	26.80
CFPT2524	25/06/2026	266	90,000	54.66%	118.69	950	6.7%	0.09	142.44	92.10	92.10
CTCB2512	23/06/2026	264	148,300	12.09%	36.05	3,850	6.6%	3.30	43.55	38.85	38.85
CFPT2505	9/01/2026	99	700	52.64%	136.27	500	6.4%	0.00	140.58	92.10	92.10

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 02/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSSB2504 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 75.68%. CSTB2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.24%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CTPB2510, CFPT2502, CFPT2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	171.00	0.59%	0.91	3.88
MBB	26.80	1.52%	0.76	8.05
TCB	38.85	0.78%	0.50	7.09
LPB	51.60	1.18%	0.42	2.99
VJC	128.70	0.55%	0.10	0.59

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	14.60	0.69%	0.08	1.17
NTP	63.20	0.96%	0.07	0.17
VIT	18.80	5.62%	0.04	0.05
MVB	19.00	2.15%	0.03	0.11
SDU	22.60	9.18%	0.03	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMD	20.70	6.98%	0.01	0.02
NAF	35.35	6.96%	0.03	0.72
LSS	10.85	6.90%	0.01	2.73
TNI	6.86	6.85%	0.01	1.41
CCI	25.75	6.85%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	19.90	9.94%	0.02	0.00
CTT	25.10	9.61%	0.04	0.00
SDU	22.60	9.18%	0.15	0.00
VLA	10.90	9.00%	0.01	0.00
MAC	18.00	8.43%	0.13	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	98.60	-2.57%	-2.42	4.11
VPB	30.15	-2.43%	-1.35	7.93
VRE	31.75	-4.22%	-0.71	2.27
VCB	62.10	-0.48%	-0.58	8.36
FPT	92.10	-1.39%	-0.51	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	148.00	-4.27%	-0.86	0.20
SHS	25.00	-3.10%	-0.47	0.89
HUT	16.90	-3.43%	-0.42	1.07
MBS	33.40	-3.19%	-0.42	0.57
CEO	24.60	-4.28%	-0.41	0.57

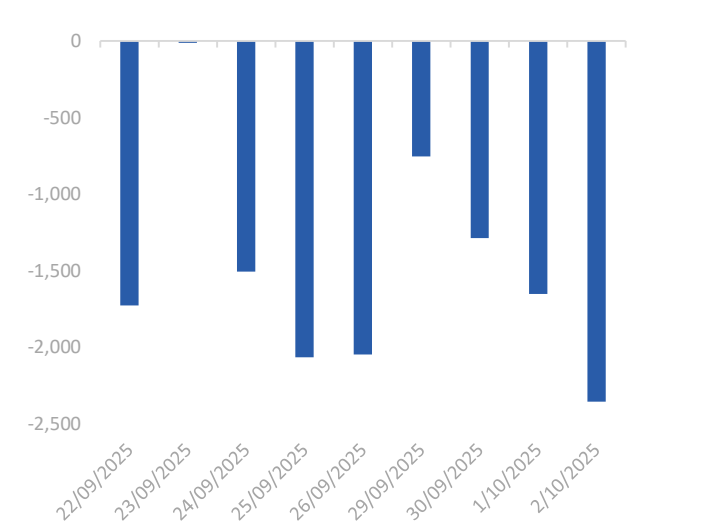
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCF	285.50	-6.97%	-0.12	0.00
DRH	2.42	-6.92%	0.00	1.33
PMG	8.74	-6.92%	-0.01	0.00
DAT	9.73	-6.89%	-0.01	0.02
BCG	3.01	-6.81%	-0.04	8.38

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	21.90	-9.88%	-0.05	0.00
L40	83.50	-6.70%	-0.22	0.06
HMH	17.00	-6.59%	-0.05	0.02
CCR	12.60	-5.97%	-0.07	0.00
VTH	7.90	-5.95%	-0.01	0.00

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.1	-0.8%	1.3	113,989	423.6	3,304	23.3	100,800	46.8%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	-3.7%	1.5	32,961	200.6	1,835	19.1	46,000	11.8%	Link
KDH	Bất động sản	33.0	-2.1%	1.5	37,033	146.4	716	46.1	39,900	30.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.9	-3.2%	1.9	22,438	254.4	177	129.7	28,200	9.1%	Link
VHM	Bất động sản	98.6	-2.6%	0.7	404,991	677.8	6,984	14.1	92,000	9.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	92.1	-1.4%	0.8	156,893	960.0	5,092	18.1	118,700	36.7%	Link
BSR	Dầu khí	26.6	0.2%	0.0	82,473	123.7	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.5	-0.9%	1.5	15,534	114.3	2,644	12.3	42,800	9.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.5	-0.9%	1.4	28,565	157.7	1,075	24.6		36.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	37.9	-1.9%	1.4	78,573	819.0	1,569	24.1		37.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	42.1	-1.8%	1.3	30,421	216.9	1,368	30.8		25.9%	
DCM	Hóa chất	35.7	-2.5%	1.4	18,900	110.2	3,186	11.2	47,300	6.6%	Link
DGC	Hóa chất	91.8	-0.4%	1.3	34,864	66.3	8,175	11.2	109,300	12.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.8	-0.2%	0.9	132,269	323.6	3,305	7.8	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.1	0.1%	0.9	281,557	120.9	3,683	10.9	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.5	0.0%	1.2	276,555	441.3	5,608	9.2	53,500	26.3%	Link
HDB	Ngân hàng	30.9	-0.2%	1.2	107,823	436.0	4,075	7.6	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	26.8	1.5%	1.2	215,874	1280.3	3,046	8.8	32,000	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.3	0.4%	1.1	41,496	151.8	1,634	8.1	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	58.7	-1.8%	1.0	110,662	646.5	6,148	9.6		18.2%	
TCB	Ngân hàng	38.9	0.8%	1.1	275,300	727.0	3,018	12.9	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.8	-2.6%	1.3	49,669	214.6	2,423	7.8	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	62.1	-0.5%	0.9	518,887	235.3	4,148	15.0	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.7	-2.0%	0.9	67,059	212.2	2,218	8.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.2	-2.4%	1.2	239,208	982.6	2,193	13.8	35,600	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.1	-0.7%	1.4	215,681	941.4	1,750	16.1	34,300	18.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	-2.6%	1.6	11,488	79.7	751	24.6	23,800	8.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.0	-1.6%	1.3	10,372	107.7	4,124	6.5	31,700	4.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.5	0.3%	1.3	117,842	331.9	1,861	43.8	92,700	24.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.2	-1.5%	0.5	127,905	210.6	4,101	14.9	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.9	-1.92%	1.5	8,953	25.3	2,216	18.4	22.1%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	124.0	-1.82%	0.7	21,117	65.3	3,163	39.2	30.4%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.1	-1.46%	1.2	40,160	9.9	3,278	16.5	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	22.5	-3.44%	1.6	14,512	451.7	211	106.2	5.1%	1.8%	
DXG	Bất động sản	20.1	-3.60%	1.6	20,480	406.2	350	57.5	22.5%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	34.5	-4.17%	1.5	6,153	123.3	482	71.6	5.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	30.8	-4.35%	1.5	11,376	138.5	540	57.0	18.6%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	38.6	-1.28%	1.5	14,649	41.2	3,977	9.7	15.4%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	39.0	-2.86%	1.6	15,018	81.1	1,709	22.8	44.4%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	54.8	-1.26%	1.3	13,268	22.8	5,215	10.5	3.6%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.0	-1.45%	1.3	6,120	22.1	1,978	17.2	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.1	-3.49%	1.6	19,198	137.8	1,118	19.8	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	171.0	0.59%	0.9	658,866	412.9	3,487	49.0	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	31.8	-4.22%	0.9	72,146	224.9	1,937	16.4	16.9%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.6	1.15%	1.4	8,385	12.2	1,701	23.3	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.0	-0.44%	1.0	43,200	35.5	1,661	20.5	15.7%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	21.5	-1.38%	1.3	11,924	76.6	1,428	15.0	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.6	-1.98%	1.4	11,989	54.8	1,348	25.7	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	33.4	-3.19%	1.6	22,001	180.3	1,501	22.2	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.3	-0.50%	1.0	145,501	27.5	5,002	12.1	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.2	-1.39%	1.3	33,255	101.7	636	22.3	2.5%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.2	-0.91%	0.8	35,316	19.3	4,417	14.8	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	128.7	0.55%	0.7	76,140	341.9	3,427	37.6	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.2	-3.21%	1.7	48,910	520.4	1,736	31.2	7.6%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.0	-0.75%	1.3	27,733	106.6	3,826	17.3	42.0%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.6	0.00%	1.1	9,051	40.4	5,700	9.4	5.7%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	0.00%	1.2	8,459	39.1	2,306	7.8	8.6%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.6	0.21%	0.0	11,764	49.7	3,317	29.1	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	83.1	-0.36%	1.1	28,080	56.8	6,115	13.6	48.9%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.7	0.00%	1.0	3,322	39.1	2,693	11.0	49.5%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.5	-1.02%	1.5	2,391	5.3	2,841	6.9	17.3%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	23.9	-4.60%	1.3	16,216	207.0	957	24.9	6.7%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.3	-1.97%	1.5	109,200	49.6	1,331	20.5	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	25.7	-2.47%	1.1	47,779	203.1	1,783	14.4	5.0%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	51.6	1.18%	0.5	154,144	199.9	3,324	15.5	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	14.8	0.00%	0.0	25,392	22.0	2,260	6.6	1.5%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.9	0.78%	0.9	34,353	52.5	1,130	11.4	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	-3.12%	1.5	7,653	154.1	666	25.7	6.1%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.9	-0.17%	1.4	7,681	78.8	1,871	15.4	4.1%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.8	-0.14%	0.6	10,580	54.2	1,981	17.6	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.4	0.22%	0.6	58,228	38.1	3,185	14.3	58.3%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.0	-2.00%	1.2	12,120	56.0	6,444	8.4	20.3%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.1	-2.15%	0.5	11,551	14.8	13,894	10.2	85.1%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.6	1.37%	1.5	8,277	80.9	4,565	17.9	47.7%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.9	-0.83%	1.3	9,597	14.6	4,930	17.0	5.7%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.7	-1.87%	1.5	4,506	59.4	2,518	17.8	5.3%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.5	-4.33%	1.4	7,685	222.6	1,077	14.4	10.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.8	-2.94%	1.1	8,870	65.4	1,189	20.9	14.3%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.4	0.00%	1.1	17,713	223.8	1,195	22.9	8.1%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	55.8	-2.11%	1.6	25,018	31.5	3,343	16.7	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>